

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 228 /QĐ-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27/3/1982 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-STP ngày 31/12/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 4344/TB-STP ngày 18/11/2021 về thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách toàn ngành năm 2020 của Giám đốc Sở Tư pháp;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh theo Biểu số 4, 5 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Văn phòng CQSTP;
- Các ĐVTT STP;
- Lưu: VT, VP(KT/HH).

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Hạnh

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4344 /TB-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách toàn ngành năm 2020

Đơn vị được thông báo: VP Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh

Mã chương: 414

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ các báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Cơ quan Sở Tư pháp, các đơn vị trực thuộc Sở và Biên bản xét duyệt quyết toán toàn ngành năm 2020 ngày 11/11/2020 giữa Sở Tư pháp và Văn phòng Cơ quan Sở Tư pháp;

Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách toàn ngành năm 2020 (không bao gồm quyết toán vốn ĐTXD) của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

a.1- Cơ quan quản lý nhà nước (Đơn vị theo Chương 414 – Loại 341: Văn phòng Cơ quan Sở):

- Tổng số thu Phí, lệ phí trong năm (C414 – K341): 18.604.901.000 đồng.
- + Số phải nộp ngân sách nhà nước (100% LP, 15% Phí LLTP): 3.301.671.000 đồng
- + Số phí được để lại để trích chuyển cho các cơ quan xác minh: 9.609.142.000 đồng
- + Số thu phí được khấu trừ, để lại đơn vị sử dụng: 0 đồng
- + Số thu phí còn thừa (nộp bổ sung vào NSNN): 5.694.088.000 đồng

a.2- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp được ngân sách nhà nước bố trí dự toán ngân sách (gồm các Đơn vị theo Chương 414 – Loại 338: 07 Phòng Công chứng):

- Tổng số thu trong năm (L414 – K338): 147.654.127.108 đồng.
- + Số phải nộp ngân sách nhà nước: 36.913.531.777 đồng
- + Số thu phí được khấu trừ, để lại đơn vị sử dụng: 110.740.595.331 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a)

b) Quyết toán chi ngân sách của Ngành:

* Tổng hợp toàn ngành năm 2020 (Chương 414):

- Tổng số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 4.675.428.172 đồng [Văn phòng Cơ quan Sở Tư pháp (viết tắt là VPCQSTP): 3.241.838.852 đồng; các đơn vị trực thuộc được ngân sách bố trí dự toán ngân sách nhà nước (viết tắt các ĐVTT): 1.433.589.320 đồng]
- Tổng dự toán được giao trong năm: 55.800.850.000 đồng (gồm: VPCQSTP: 49.412.000.000 đồng; các ĐVTT: 6.388.850.000 đồng).

Trong đó:

- + Tổng dự toán giao đầu năm: 65.836.350.000 đồng (gồm: VPCQSTP: 57.180.000.000 đồng; các ĐVTT: 8.656.350.000 đồng).
- + Tổng dự toán bổ sung trong năm: 193.500.000 đồng (gồm: VPCQSTP: 156.000.000 đồng; các ĐVTT: 37.500.000 đồng).
- + Tổng dự toán giảm trong năm: 10.229.000.000 đồng (gồm: VPCQSTP: 7.924.000.000 đồng; các ĐVTT: 2.305.000.000 đồng).
- Tổng dự toán được sử dụng trong năm: 60.476.278.172 đồng (gồm: VPCQSTP: 52.653.838.852 đồng; các ĐVTT: 7.822.439.320 đồng).
- Tổng dự toán thực nhận trong năm: 42.279.346.412 đồng (gồm: VPCQSTP: 36.789.596.165 đồng; các ĐVTT: 5.489.750.247 đồng).
- Tổng kinh phí quyết toán: 42.279.346.412 đồng (gồm: VPCQSTP: 36.789.596.165 đồng; các ĐVTT: 5.489.750.247 đồng).
- Tổng dự toán hủy/ giảm cuối năm: 16.262.264.610 đồng (gồm: VPCQSTP: 14.621.884.974 đồng; các ĐVTT: 1.640.379.636 đồng).
- Tổng dự toán được chuyển sang năm sau sử dụng: 1.934.667.150 đồng (gồm: VPCQSTP: 1.242.357.713 đồng; các ĐVTT: 692.309.437 đồng).

* Tổng hợp cụ thể theo Loại:

b.1- Cơ quan quản lý nhà nước (Đơn vị theo Chương 414 – Loại 341: Văn phòng Cơ quan Sở):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.241.838.852 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 49.412.000.000 đồng

Trong đó:

- + Dự toán giao đầu năm: 57.180.000.000 đồng;
- + Dự toán bổ sung trong năm: 156.000.000 đồng.
- + Dự toán giảm trong năm: 7.924.000.000 đồng (giảm dự toán chi thường xuyên theo Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố, gồm: giảm 06 chỉ tiêu biên chế: 558 triệu đồng; giảm dự toán chi tăng thu nhập theo Nghị Quyết 03/2018/NQ-HĐND năm 2020 là 5.543 triệu đồng; giảm dự toán một số nội dung chi ngoài khoản dự kiến không triển khai trong năm 2020 là 1.823 triệu đồng)
- Dự toán được sử dụng trong năm: 52.653.838.852 đồng
- Dự toán thực nhận trong năm: 36.789.596.165 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 36.789.596.165 đồng.



- Dự toán huỷ/ giảm cuối năm: 14.621.884.974 đồng; trong đó:
 - + Dự toán cắt giảm, tiết kiệm kinh phí (đợt 2) theo Quyết định số 4865/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Công văn 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính) là 2.484.000.000 đồng.
 - + Dự toán huỷ: 12.137.884.974 đồng.
 - Dự toán được chuyển sang năm sau sử dụng: 1.242.357.713 đồng.
- b.2- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp được ngân sách nhà nước bố trí dự toán ngân sách (gồm các Đơn vị theo Chương 414 – Loại 338: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản):
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.433.589.320 đồng (trong đó: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 1.366.244.876 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 67.344.444 đồng)
 - Dự toán được giao trong năm: 6.388.850.000 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 4.991.500.000 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 907.350.000 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 490.000.000 đồng)
 - + Dự toán giao đầu năm: 8.656.350.000 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 7.259.000.000 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 907.350.000 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 490.000.000 đồng)
 - + Dự toán giảm trong năm (Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước) là (2.305.000.000) đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm (Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước): 37.500.000 đồng;
 - Dự toán được sử dụng trong năm: 7.822.439.320 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 6.357.744.876 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 974.694.444 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 490.000.000 đồng)
 - Kinh phí thực nhận trong năm: 5.489.750.247 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 5.012.750.247 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 0 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 477.000.000 đồng)
 - Kinh phí quyết toán năm: 5.489.750.247 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 5.012.750.247 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 0 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 477.000.000 đồng)
 - Dự toán huỷ/ giảm cuối năm: 1.640.379.636 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 714.695.636 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 912.684.000 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 13.000.000 đồng)
 - Dự toán được chuyển sang năm sau sử dụng: 692.309.437 đồng (gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 630.298.993 đồng; Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng: 62.010.444 đồng; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: 0 đồng)
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c).

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: không có.



3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

* Đối với Văn phòng Cơ quan Sở:

- Thuyết minh, đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi được giao quản lý: thực hiện theo đúng quy định.

+ Trong năm, các khoản thu lệ phí được nộp 100% số thu vào ngân sách nhà nước; riêng đối với số thu phí lý lịch tư pháp được nộp 15% số thu vào ngân sách nhà theo quy định, số thu phí được để lại sau khi trích chuyển tỷ lệ % cho các cơ quan xác minh và chi trả chi phí yêu cầu xác minh, số tiền còn lại được nộp bổ sung vào ngân sách nhà nước.

+ Dự toán được cấp đầu năm 2020 tính trên 110 biên chế (cấp theo số biên chế được giao năm 2019). Biên chế đầu năm 2020 được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho Cơ quan Sở là 104 biên chế, do vậy, dự toán trong năm được điều chỉnh giảm là 558.000.000 đồng (tương ứng với 06 chỉ tiêu biên chế giảm); đến tháng 11/2020 Cơ quan Sở được giao bổ sung thêm 03 chỉ tiêu biên chế.

+ Đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ được giao quản lý: thực hiện theo dự toán và kế hoạch năm.

- Dự toán được xét chuyển sang năm sau: 1.242.357.713 đồng (bao gồm: dự toán mua sắm tập trung và tài sản chuyên dùng 38.881.000 đồng; dự toán thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng của nguồn 13 là 767.916.382 đồng và của nguồn 12 là 99.500.000 đồng; dự toán chi thu nhập tăng thêm năm 2020 theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND còn dư chuyển sang là 435.560.331 đồng).

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ (cuối năm): 14.621.884.974 đồng.

- Tổng số thu hoạt động khác (thu căn tin) trong năm là 50.000.000 đồng; các khoản thuế khoán phải nộp NSNN (gồm thuế môn bài, thuế GTGT, thuế TNDN) theo quy định là 6.000.000 đồng; số tiền bổ sung kinh phí hoạt động là 44.000.000 đồng. Tổng số tiền đã sử dụng trong năm là 13.634.800 đồng. Số tiền chưa sử dụng chuyển năm sau: 30.365.200 đồng.

- Thuyết minh về số lao động trong năm: tổng số biên chế năm 2020 được giao đầu năm là 104 biên chế (giảm 06 chỉ tiêu biên chế so với cùng kỳ), đến tháng 11/2020 được giao bổ sung thêm 03 biên chế, nâng tổng số biên chế là 107 biên chế; tổng số công chức có mặt đến 31/12/2020 là 95 người; số biên chế tiết kiệm là 12 biên chế.

+ Số cán bộ công chức giảm trong năm là 08 người (trong đó: nhân sự hợp đồng 68 giảm 02 người, 06 công chức xin thôi việc).

+ Số cán bộ công chức tăng trong năm là 16 người (trong đó: tuyển dụng thông qua thi tuyển là 11 người, điều chuyển đến công tác là 03 người và tuyển bổ sung 02 nhân sự hợp đồng 68).

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 5.475.798.158 đồng. Số tiền đơn vị đã chi tăng thu nhập trong niên độ 2020 là 974.106.734 đồng (tương ứng 0,18 lần Quỹ tiền lương năm 2020).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

- Quỹ đặc thù (phúc lợi của đơn vị trực thuộc hỗ trợ): số tồn đầu năm là 251.644.800 đồng; đơn vị hỗ trợ trong năm là 110.000.000 đồng; số tiền đã sử dụng 176.000.000 đồng;

số tiền còn tồn là 185.644.800 đồng.

*** Đối với Phòng Công chứng số 1**

+ Số thu trong năm 2020 giảm 5.633.278.000 đồng so với năm 2019.

- Kinh phí chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: 0 đồng.

- Kinh phí nộp ngân sách nhà nước: 5.109.636.676 đồng, cụ thể như sau:

+ 25% Phí Công chứng, chứng thực: 4.637.670.500 đồng

+ Thuế GTGT: 110.123.350 đồng

+ Thuế TNDN: 360.842.826 đồng (trong đó nộp bổ sung 2018 : 250.719.476 đồng; nộp năm 2020 : 110.123.350 đồng)

+ Thuế môn bài : 1.000.000 đồng

- Thuyết minh về số lao động tăng/ giảm trong năm 2020: không có.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 2**

+ Số thu trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 3.263.546.000 đồng;
(nguyên nhân: Số lượng hợp đồng giao dịch giảm)

+ Đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ được giao quản lý: thực hiện theo dự toán, kế hoạch năm.

- Kinh phí chuyển sang năm sau: - đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: - đồng.

- Kinh phí nộp ngân sách nhà nước: 5.521.546.850 đồng.

Trong đó:

| | | |
|----------------------------|---------------|-------|
| Phí Công chứng | 5.261.142.000 | đồng. |
| Phí Chứng thực | 133.400.000 | đồng. |
| Thuế giá trị gia tăng | 74.120.500 | đồng. |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 51.884.350 | đồng. |
| Thuế môn bài | 1.000.000 | đồng. |

- Thuyết minh về số lao động: trong năm tăng 01 người và giảm 01 người (xin nghỉ việc).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 3**

+ Số thu trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 3.136.476.750 đồng; nguyên nhân giảm là bị ảnh hưởng của tình hình dịch covid.

- Kinh phí chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: không đồng.

- Kinh phí nộp ngân sách nhà nước: 4.766.513.825 đồng (cụ thể: 25% số thu phí: 4.649.111.250 đồng, trong đó: Phí công chứng: 4.513.278.750 đồng và Phí chứng thực: 135.832.500 đồng; thuế GTGT: 60.626.750 đồng; thuế TNDN: 55.775.825 đồng; thuế môn bài 1.000.000 đồng).

- Thuyết minh về số lao động giảm trong năm (giảm do nghỉ hưu: 03 người).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 4**

+ Số thu được để lại trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 6.641.190.750 đồng (=24.832.495.500 – 31.473.686.250); nguyên nhân là do giá trị tài sản của các giao dịch giảm và do bị ảnh hưởng tình hình của dịch Covid.

- Đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ được giao quản lý: Phòng đã thực hiện theo dự toán, kế hoạch năm.

- Số thu chưa sử dụng chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: không đồng.

- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 8.459.551.900 đồng (bao gồm: 25% Phí công chứng: 8.277.498.500 đồng; thuế GTGT: 106.502.000 đồng; thuế TNDN: 74.551.400 đồng; thuế môn bài 1.000.000 đồng).

- Thuyết minh về số lao động trong năm: không có thay đổi.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 5**

+ Số thu được để lại trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 2.723.060.250 đồng (=13.954.497.000 – 16.677.557.250); nguyên nhân là do ảnh hưởng dịch covid, số lượng hồ sơ giao dịch tại đơn vị giảm.

- Đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ được giao quản lý: Phòng đã thực hiện theo dự toán, kế hoạch năm.

- Số thu chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: không đồng.

- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 4.833.054.552 đồng (cụ thể: 25% Phí công chứng: 4.651.499.000 đồng; thuế GTGT: 100.223.000 đồng; thuế TNDN: 80.332.552 đồng; thuế môn bài 1.000.000 đồng).

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2019 chuyển sang năm 2020 là 257.882.990 đồng, trong năm trích 605.000.000 đồng, đã chi 711.429.531 đồng. Số còn lại chuyển sang năm sau là 151.453.459 đồng.

- Thuyết minh về số lao động trong năm: tăng 01 lao động hợp đồng.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 6**

+ Số thu trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 2.600.000.000 đồng; nguyên nhân giảm là do lượng hồ sơ giao dịch giảm, ngân hàng hạn chế cho vay, do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Số thu chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: không đồng.

- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 3.927.061.050 đồng (cụ thể: 25% Phí Công chứng: 3.755.691.750 đồng; thuế GTGT: 85.184.650 đồng; thuế TNDN: 85.184.650 đồng; thuế môn bài 1.000.000 đồng).

- Số lao động trong năm 2020 theo đề án vị trí việc làm: ổn định là 25 người (không tăng mới do tuyển dụng; không giảm do chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Phòng Công chứng số 7**

+ Số thu được để lại trong năm giảm so với cùng kỳ năm trước: 2.065.953.178 đồng (=18.708.509.509 – 16.642.556.331); nguyên nhân là do giá trị tài sản của các giao dịch giảm.

- Số thu chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ: không đồng.

- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 5.893.311.800 đồng (cụ thể: 25% Phí công chứng: 5.547.518.777 đồng; thuế GTGT: 93.787.400 đồng; thuế TNDN: 251.005.623 đồng; thuế môn bài 1.000.000 đồng).

- Thuyết minh về số lao động trong năm: Không có thay đổi.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhà nước**

- Dự toán bị huỷ năm 2020 (do không có nhu cầu sử dụng): 13.000.000 đồng

- Thuyết minh về số lao động trong năm: tổng số người lao động năm 2020 (theo đề án vị trí việc làm được duyệt là 27 chỉ tiêu (gồm 22 viên chức và 05 Hợp đồng 68); tổng số viên chức có mặt đến 31/12/2020 là 15 người; số viên chức tiết kiệm là 07 người.

+ Số lượng người lao động tăng trong năm là 0 người

+ Số lượng người lao động giảm trong năm là 03 người (trong đó: nghỉ hưu theo chế độ 0 người; xin thôi việc 03 người;).

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 1.756.180.060 đồng.

- Số tiền Trung tâm đã tạm ứng quỹ năm 2020 là 0 đồng

- Thặng dư thâm hụt lũy kế đến 31/12/2020 là 359.427.913 đồng

- Tiền lương chưa chi trả cho người lao động tháng 11/2020 + 12/2020 là 227.200.133 đồng.

- Công nợ phải trả khách hàng (tiền đăng báo + tiền phí vay, tiền văn phòng phẩm ...) là: 349.392.040 đồng .

- Trung tâm còn khoản nợ vay xây dựng trụ sở còn phải trả (tính đến 31/12/2020) là 3.455.984.655 đồng.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước**

- Dự toán được cấp đầu năm 2020 tính trên 32 biên chế (không đổi so với năm 2019)

- Dự toán được xét chuyển sang năm sau: 630.298.993 đồng (bao gồm: dự toán thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng của nguồn 13 là 516.579.741 đồng và dự toán chi thu nhập tăng thêm năm 2020 theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND còn dư chuyển sang là 113.719.252 đồng).

- Kinh phí/ dự toán đề nghị huỷ (cuối năm): 714.695.636 đồng.

- Thuyết minh về số lao động trong năm: tổng số biên chế năm 2020 được giao đầu năm là 32 chỉ tiêu (gồm 30 viên chức và 02 Hợp đồng 68); tổng số viên chức có mặt đến 31/12/2020 là 24 người; số biên chế tiết kiệm là 07 biên chế viên chức và 01 Hợp đồng Nghị định 68.

+ Số lượng người lao động giảm trong năm là 01 người (nghỉ hưu theo chế độ).

+ Số lượng người lao động tăng trong năm là 0 người.

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 1.214.785.527 đồng. Số tiền đơn vị đã chi tăng thu nhập trong niên độ 2020 là 670.334.003 đồng (tương ứng 0,55 lần Quỹ tiền lương năm 2020).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng**

- Đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ được giao quản lý:

+ Ngày 05 tháng 10 năm 2020 Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 420/QĐ-UBND, giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng là: 907.350.000 đồng để thực hiện thí điểm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn TP.HCM năm 2020. Tuy nhiên, do thời điểm Trung tâm nhận dự toán gần cuối năm, gói thầu “in ấn, phát hành tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật về an ninh trật tự” thuộc hạn mức phải đấu thầu rộng rãi nên phức tạp và mất nhiều thời gian. Dự toán ban đầu Sở Tài chính nhập về Kho Bạc nhà nước Quận 3 theo nguồn 15, tuy nhiên, sau đó điều chỉnh lại qua nguồn 12 nên Trung tâm cũng gặp khó khăn khi làm thủ tục thanh toán với Kho Bạc nhà nước Quận 3. Chính vì vậy, trong năm Trung tâm không kịp sử dụng nguồn ngân sách cấp năm 2020 để thanh toán cho khách hàng. Số dự toán trong năm bị huỷ là 907.350.000 đồng.

+ Năm 2013- 2014, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên. Vì vậy, hiện tại số dư kinh phí giai đoạn này vẫn còn dư tại Kho Bạc nhà nước Quận 3 là 67.344.444 đồng (gồm số dư nguồn cải cách tiền lương của kinh phí tự chủ mã nguồn 13 là 62.010.444 đồng và của mã nguồn 12 là 5.334.000 đồng).

- Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước niên độ kiểm toán 2019: Số dư dự toán nguồn cải cách tiền lương (mã nguồn 12) do ngân sách nhà nước cấp chưa sử dụng phải

hủy bỏ là 5.334.000 đồng. Theo đó, Trung tâm đã làm thủ tục hủy dự toán 2020 theo Mẫu số 20f được Kho bạc nhà nước duyệt ngày 02/8/2021.

- Kinh phí/ dự toán đề nghị hủy (cuối năm 2020) là 912.684.000 đồng (bao gồm: hủy số dự toán giao đầu năm (do chưa sử dụng): 907.350.000 đồng và nguồn cải cách tiền lương (dự toán không tự chủ) hủy theo kết luận của Kiểm toán nhà nước: 5.334.000 đồng).

- Dự toán tự chủ được chuyển sang năm 2021 là 62.010.444 đồng.

- Thuyết minh về số lao động trong năm: tổng số người lao động năm 2020 (theo đề án vị trí việc làm được duyệt là 16 chỉ tiêu (gồm 15 viên chức và 01 Hợp đồng 68); tổng số viên chức có mặt đến 31/12/2020 là 13 người; số viên chức tiết kiệm là 03 người.

+ Số lượng người lao động giảm trong năm là 01 người (xin thôi việc).

+ Số lượng người lao động tăng trong năm là 0 người.

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 657.313.500 đồng. Số tiền đơn vị đã chi tăng thu nhập trong niên độ 2020 là 893.548.766 đồng (tương ứng 1,35 lần Quỹ tiền lương năm 2020).

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

*** Đối với Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh**

- Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nên số thu năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước: 2.720.258.104 đồng.

- Thuyết minh về số lao động: tổng số viên chức có mặt đến 31/12/2020 là 171 người;

+ Số lượng người lao động tăng trong năm là 15 người

+ Số lượng người lao động giảm trong năm là 9 người (trong đó: nghỉ hưu theo chế độ 3 người; xin thôi việc 6 người).

- Đơn vị đã chi tổng tiền lương năm 2020 cho người lao động là 22.611.220.097 đồng.

- Đơn vị đã chi tăng thu nhập năm 2020 cho người lao động là 0 đồng

- Đơn vị đã chi khen thưởng, phúc lợi năm 2020 cho người lao động là 0 đồng

- Đơn vị còn khoản nợ vay xây dựng trụ sở còn phải trả (tính đến 31/12/2020) là: 22.249.388.502 đồng.

- Chênh lệch giữa số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị: không có.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ⁴: (không đối chiếu các nội dung chi từ nguồn thu dịch vụ)

*** Đối với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản nhà nước:**

- Tổng số thu trong năm: 3.199.770.201 đồng

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 267.482.862 đồng

(trong đó thuế GTGT 5%: 155.490.905 đồng và thuế TNDN là: 111.991.957 đồng)

- Số phí được khấu trừ, để lại: 2.932.287.339 đồng

- Chi phí hoạt động thường xuyên 2020 là 3.575.394.972 đồng

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi năm 2020 (thâm hụt): (643.107.633) đồng.
- Kết quả thâm hụt của năm 2019 chuyển sang: (208.566.306) đồng
- Số trích hao mòn TSCĐ năm 2020 kết chuyển vào tài khoản thặng dư 2020 là 492.246.026 đồng.
- Thâm hụt lũy kế niên độ 2020 chuyển sang năm 2021 là (359.427.913) đồng

*** Đối với Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng**

- Tổng số thu trong năm: 5.502.980.000 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 467.753.300 đồng
(trong đó thuế GTGT 5%: 275.149.000 đồng và thuế TNDN là 192.604.300 đồng)
- Số thu để lại đơn vị: 5.035.226.700 đồng
- Chi phí hoạt động thường xuyên 2020: 1.545.646.598 đồng
- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 3.489.580.102 đồng.
- Trích lập các Quỹ: 2.093.748.061 đồng, trong đó:
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 511.055.310 đồng
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 165.000.000 đồng
 - + Quỹ bổ sung thu nhập: 1.417.692.751 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 1.395.832.041 đồng

*** Đối với Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh**

- | | | |
|--|----------------------------|-----------|
| - Tổng số thu trong năm: | 53.262.598.913 đồng | trong đó: |
| + Doanh thu từ hoạt động phát hành: | 10.231.911.870 đồng | |
| + Doanh thu hoạt động TT-QC: | 31.114.411.878 đồng | |
| + Doanh thu CVTP: | 9.469.022.559 đồng | |
| + Doanh thu khác: | 2.447.252.606 đồng | |
| - Tổng chi phí trong năm: | 51.720.545.287 đồng | trong đó: |
| + Chi phí giấy; công in: | 3.816.796.098 đồng | |
| + Chi phí khấu hao tài sản cố định: | 1.457.267.292 đồng | |
| + Chi phí tiền lương: | 22.611.220.097 đồng | |
| + Các khoản trích theo lương: | 2.140.763.526 đồng | |
| + Chi phí nhuận bút: | 5.815.427.666 đồng | |
| + Chi phí chiết khấu; HHMG: | 5.309.989.936 đồng | |
| + Chi phí khác: | 10.569.080.672 đồng. | |
| - Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm: | 1.542.053.626 đồng | |
| - Số tiền thuế TNDN phải nộp: | 166.333.268 đồng | |
| - Kết quả thặng dư (thâm hụt) trong năm: | 1.375.720.358 đồng | |
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b).



IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét về tình hình quyết toán tài chính năm 2020:

Trên cơ sở biên bản và thông báo xét duyệt quyết toán của Văn phòng Cơ quan Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc Sở, qua xét duyệt hồ sơ, Sở Tư pháp ghi nhận tình hình cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán: đơn vị thực hiện theo chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.
- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: theo thời hạn quy định.
- Sổ sách kế toán thực hiện theo chương trình kế toán Imas của Bộ Tài chính.
- Thực hiện công khai dự toán, công khai quyết toán: theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Thực hiện công khai, quản lý tài sản nhà nước: theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.
- Đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở quản lý, thực hiện.
- Về tạo lập nguồn dành để thực hiện cải cách tiền lương 2020: đơn vị thực hiện theo quy định.

* Đối với Phòng Công chứng số 1

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 1.865.593.405 đồng.
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 2.524.464.564 đồng.
- Quỹ bổ sung thu nhập: đơn vị đã trích để chi thu nhập tăng thêm năm 2020 là 6.037.000.000 đồng (tương ứng 3,24 lần Quỹ tiền lương năm 2020) trong đó:
 - + Số tiền đơn vị đã thực chi tăng thu nhập trong niên độ 2020 là 2.408.623.232 đồng, (tương ứng 1,29 lần Quỹ tiền lương năm 2020)
 - + Số tiền còn lại (chuyển sang năm 2021 tại thời điểm 01/01/2021) là 3.628.376.768 đồng, đơn vị dùng để chi bổ sung tăng thu nhập cho năm 2020 trong năm 2021.
- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 460.000.000 đồng theo quy định (tương ứng trung bình 3 tháng của quỹ tiền lương năm 2020 là 1.865.593.405 đồng).
- Quỹ cải cách tiền lương: 1.075.427.653 đồng.
- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

* Đối với Phòng Công chứng số 2

- Quỹ tiền lương thực tế: 1.195.292.317 đồng.
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (tương ứng 25% chênh lệch thu chi): 3.155.610.403 đồng.
- Trích bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: - đồng.
- Quỹ Bổ sung thu nhập:



| | | |
|---|----------------|--------|
| + Đơn vị đã trích quỹ trong năm: | 8.292.551.856 | đồng; |
| (so với Quỹ tiền lương thực tế: | 6,94 | lần); |
| + Số năm trước chuyển sang vào đầu năm là: | 12.749.953.911 | đồng; |
| + Tổng số tiền của Quỹ bổ sung thu nhập năm là: | 21.042.505.767 | đồng; |
| + Số tiền đơn vị đã thực chi tăng thu nhập trong niên độ là: | 8.509.697.921 | đồng; |
| (so với Quỹ tiền lương thực tế: | 7,12 | lần); |
| + Số tiền còn lại chuyển sang năm 2021 | 12.532.807.846 | đồng; |
| (trong đó, đơn vị dùng để chi bổ sung tăng thu nhập cho năm 2020 là | 3.988.279.841 | đồng; |
| và số tiền đơn vị dùng để chi bổ sung thu tăng thu nhập cho các năm tiếp theo là: | 8.544.528.005 | đồng). |

*** Đối với Phòng Công chứng số 3**

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 của đơn vị là 1.080.794.378 đồng.
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 2.815.950.325 đồng (trương ứng 25% chênh lệch thu chi).
- Quỹ bổ sung thu nhập năm 2020: đơn vị đã trích quỹ là 7.610.446.764 đồng, tương ứng 7,04 lần Quỹ tiền lương năm 2020; (trong đó: số chuyển sang năm 2020 tại thời điểm 01/01/2020 là 7.286.843.423; số tiền đã trích quỹ trong niên độ 2020 là 7.610.446.764 đồng, tổng số tiền của quỹ bổ sung thu nhập năm 2020 là 14.897.290.187 đồng; số tiền đơn vị đã thực chi tăng thu nhập trong niên độ 2020 là 11.797.472.903 đồng, tương ứng 10,91 lần Quỹ tiền lương năm 2020); số tiền còn lại (số chuyển sang năm 2021 tại thời điểm 01/01/2021) là 3.099.817.284 đồng, đơn vị dùng để chi tiếp tục bổ sung tăng thu nhập của năm 2020 là 705.732.487 đồng và số tiền đơn vị dành để chi tăng thu nhập cho các năm tiếp theo là 2.394.084.797 đồng).
- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 270.198.594 đồng theo quy định.
- Trích lập nguồn cải cách tiền lương: 593.313.728 đồng
- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là không đồng.

*** Đối với Phòng Công chứng số 4**

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 5.579.312.884 đồng (trương ứng 25% chênh lệch thu chi).
- Quỹ bổ sung thu nhập đơn vị đã trích trong năm 2020 là 13.793.335.606 đồng tương ứng với 7,7 lần quỹ tiền lương 2020.
- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 444.603.047 đồng theo quy định (trương ứng trung bình 3 tháng của quỹ tiền lương năm 2020 là 1.778.412.190 đồng)
- Quỹ cải cách tiền lương: 1.000.000.000 đồng
- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

*** Đối với Phòng Công chứng số 5**

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 3.035.404.158 đồng (trương ứng 25% chênh lệch thu chi).



- Quỹ bổ sung thu nhập đơn vị đã trích trong năm 2020 là 8.263.430.000 đồng tương ứng với 8,69 lần quỹ tiền lương 2020.

- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 237.600.000 đồng theo quy định (tương ứng trung bình 3 tháng của quỹ tiền lương năm 2020 là 950.676.400 đồng).

- Quỹ cải cách tiền lương: 605.000.000 đồng.

- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

*** Đối với Phòng Công chứng số 6**

- Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 là 1.278.770.250 đồng.

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 2.011.897.328 đồng (tương ứng 25% chênh lệch thu chi).

- Quỹ bổ sung thu nhập năm 2020, đơn vị trích là 5.715.996.700 đồng.

- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 319.692.500 đồng theo quy định. (tương ứng bình quân 3 tháng Quỹ tiền lương thực tế năm 2020 là 1.278.770.250 đồng)

- Quỹ cải cách tiền lương: 0 đồng

- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

*** Đối với Phòng Công chứng số 7**

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 3.633.703.188 đồng (tương ứng 25% chênh lệch thu chi).

- Quỹ bổ sung thu nhập đơn vị đã trích trong năm 2020 là 10.181.109.559 đồng tương ứng với 11 lần quỹ tiền lương 2020.

- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 220.000.000 đồng theo quy định. (tương ứng trung bình 3 tháng của quỹ tiền lương năm 2020 là 923.544.500 đồng)

- Quỹ cải cách tiền lương: 500.000.000 đồng.

- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

*** Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhà nước:** nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2020 như sau

- Tổng số thu trong năm: 3.199.770.201 đồng

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 267.482.862 đồng

(trong đó thuế GTGT 5%: 155.490.905 đồng và thuế TNDN là: 111.991.957 đồng)

- Số thu đơn vị được để lại: 2.932.287.339 đồng

- Chi phí hoạt động thường xuyên 2020: 3.575.394.972 đồng

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi năm 2020 (thâm hụt): (643.107.633) đồng.

- Kết quả thâm hụt của năm 2019 chuyển sang: (208.566.306) đồng

- Số trích hao mòn TSCĐ năm 2020 kết chuyển vào tài khoản thặng dư 2020 là 492.246.026 đồng.

- Thâm hụt lũy kế niên độ 2020 chuyển sang năm 2021 là (359.427.913) đồng

*** Đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước**



- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 791.334.003 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi tăng thu nhập: 670.334.003 đồng
- Chi khen thưởng phúc lợi: 101.000.000 đồng
- Trích lập các Quỹ phát triển sự nghiệp: 20.000.000 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

*** Đối với Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 3.489.580.102 đồng.
- Trích lập các Quỹ: 2.093.748.061 đồng, trong đó:
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 511.055.310 đồng
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 165.000.000 đồng
 - + Quỹ bổ sung thu nhập: 1.417.692.751 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 1.395.832.041 đồng

*** Đối với Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh**

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: đơn vị đã trích quỹ là 1.087.328.286 đồng.
- Quỹ bổ sung thu nhập đơn vị đã trích quỹ là 67.958.018 đồng.
- Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng: đơn vị đã trích quỹ 220.434.054 đồng theo quy định.
- Quỹ cải cách tiền lương: 0 đồng
- Kinh phí chuyển sang năm 2021 là 0 đồng.

2. Kiến nghị:

*** Đối với Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng:**

Đề nghị đơn vị hủy số dư dự toán lũy kế của các năm trước chuyển sang năm 2021 (nguồn dự toán tự chủ thực hiện cải cách tiền lương), số tiền: 62.010.444 đồng, hoàn trả ngân sách nhà nước vào cuối niên độ năm 2021.

(Đơn vị liên hệ Kho bạc nhà nước thực hiện thủ tục hủy dự toán 2021 khi làm thủ tục xét chuyển dự toán từ niên độ 2021 sang niên độ 2022)./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- VPCQSTP;
- Lưu: VT, VP(TH, KT_{HH}).



Huỳnh Văn Hạnh